

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư phía Nam QL19 thôn 2, xã Bình Nghi năm 2023 (thuộc Khu B) của Ủy ban nhân dân xã Bình Nghi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư phía Nam QL19 thôn 2, xã Bình Nghi năm 2023 (thuộc Khu B) tại xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn gửi kèm Văn bản số 217/UBND-ĐC ngày 27/9/2024 của UBND xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn;

Xét Văn bản số 932/STNMT-CCBVM ngày 27/3/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư phía Nam QL19 thôn 2, xã Bình Nghi năm 2023 (thuộc Khu B) tại xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn của UBND xã Bình Nghi;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1230/TTr-STNMT ngày 15/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư phía Nam QL19 thôn 2, xã Bình Nghi năm 2023 (thuộc Khu B) (sau đây gọi là Dự án) của UBND xã Bình Nghi (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TNMT (để b/c);
- CT, PCT TT:N.T.Thanh;
- Sở TNMT;
- UBND huyện Tây Sơn;
- CVP UBND tỉnh;
- UBND xã Bình Nghi;
- Lưu: VT, K4

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ PHÍA NAM QL19 THÔN 2,
XÃ BÌNH NGHI NĂM 2023 (THUỘC KHU B) CỦA UBND XÃ BÌNH
NGHI, HUYỆN TÂY SƠN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của
UBND tỉnh Bình Định)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư phía Nam QL19 thôn 2, xã Bình Nghi năm 2023 (thuộc Khu B).
- Địa điểm thực hiện: Xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: UBND xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn.
- Địa chỉ liên hệ: Thôn 2, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Tổng diện tích: 61.923,8 m² (thuộc Khu B theo Quyết định số 6199/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND huyện Tây Sơn về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tại xã Bình Nghi năm 2020 và điều chỉnh tại Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của UBND huyện Tây Sơn)
- Quy mô: gồm 83 lô đất ở, quy mô dân số dự kiến khoảng 332 người.
- Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Thành phần đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	11.049,90	17,84
2	Đất công trình công cộng	15.036,60	24,28
2.1	Đất công cộng CC-B1	10.366,60	
2.2	Đất công cộng CC-B2	4.670,00	
3	Đất cây xanh	6.723,50	10,86
3.1	Cây xanh công viên	3.108,10	
3.2	Cây xanh chuyên dụng	3.615,40	
4	Đất giao thông – Hạ tầng kỹ thuật	29.113,80	47,02
Tổng cộng:		61.923,80	100,00

1.3. Các hạng mục và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: 83 lô đất ở với tổng diện tích sử dụng đất khoảng 11.049,90m².

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: Hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước và PCCC, thông tin liên lạc.

1.3.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- 01 Bể tự hoại tập trung 05 ngăn cải tiến, đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường (tối thiểu 10m) theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng (kết cấu bằng bê tông cốt thép, được xây dựng kín và có hạng mục thu gom và xử lý mùi hôi, dung tích khoảng 100 m³).

- Tổng diện tích cây xanh khoảng 6.723,50 m².

- 01 bãi thải diện tích khoảng 4.992,8 m² tại khu vực đất trống bên cạnh nghĩa địa nhân dân xã Bình Nghi, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn (tọa độ: 1.535.540; 577.502).

1.3.4. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 vụ với diện tích khoảng 60.098,23m².

2. Hạng mục dự án và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công phát sinh bụi và khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị thi công; chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Trong giai đoạn vận hành phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt; nước thải sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,08 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chứa hàm lượng cặn lơ lửng (SS), các hợp chất

hữu cơ (BOD₅) và ô nhiễm vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 1,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,....

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động: Nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng khoảng 48 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải: Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, H₂S, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 50 m³. Thành phần chủ yếu là thực bì,...

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 19 - 31 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là cát, đá, sắt thép vụn, gỗ, bao bì xi măng,...

- Đất bóc phong hóa hữu cơ phát sinh với khối lượng khoảng 15.178,34m³.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 20,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 336 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 32 kg trong suốt quá trình thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, các loại dầu mỡ thải, ...

3.3. Tiếng ồn và độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp

mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển,...

3.4. Các tác động khác:

- Hoạt động thi công các hạng mục dự án và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyên đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự khu vực dự án.

- Việc hình thành dự án gây ảnh hưởng đến vấn đề tiêu thoát nước các khu vực xung quanh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng 01 nhà vệ sinh di động bằng composite có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn: Tạo các mương thoát nước tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ; dọn đất, cát, rác thải sinh hoạt... rơi vãi sau mỗi ngày làm việc để tránh nước mưa chảy xuống các rãnh thoát nước.

- Nước thải xây dựng: Được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng chặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động:

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thoát nước thải. Dọc theo các đường nội bộ bố trí các tuyến cống bê tông cốt thép có đường kính từ D400 - D1500 để thu gom nước mưa thoát về 02 cửa xả thoát ra suối hiện trạng nằm phía Đông của khu vực, toạ độ: (1.535.736; 579.409) và (1.535.632; 579.393).

- Nước thải sinh hoạt:

Hệ thống thu gom và thoát nước thải được thiết kế riêng với hệ thống thu gom và thoát nước mưa. Phương án xử lý nước thải như sau:

+ Khi hạ tầng chung về thu gom và xử lý nước thải tại khu vực chưa đầu tư xây dựng: Nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án khoảng 48 m³/ngày được xử

lý sơ bộ qua bể tự hoại tại các hộ dân, sau đó được thu gom bằng hệ thống đường ống HDPE dọc theo các tuyến đường nội bộ dẫn về bể tự hoại 05 ngăn cải tiến có dung tích 100 m³ đặt tại phía Đông dự án để xử lý. Nước thải sau khi xử lý bằng bể tự hoại 05 ngăn (có hạng mục xử lý mùi hôi và hạng mục khử trùng) được dẫn bằng đường ống HDPE D300 dài 86m ra suối Cạn hiện trạng phía Đông dự án, điểm xả thải có tọa độ: 1535681; 579401.

+ Về lâu dài: Khi hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu vực được xây dựng hoàn thiện thì bể tự hoại cải tiến 05 ngăn của dự án được chuyển đổi công năng thành trạm bơm để bơm nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu vực.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín; chờ đúng tải trọng và tốc độ quy định.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Thu gom toàn bộ khối lượng đất cát, chất thải thực bì, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng xử lý theo quy định.

+ Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động tháo dỡ công trình hiện trạng và đất bóc phong hóa: bố trí bãi chứa tạm đảm bảo về môi trường, gần khu vực thi công để thu gom chất thải xây dựng; trong đó, một phần đất bóc phong hóa được tận dụng trồng cây xanh và phần còn lại với khối lượng khoảng 4.471,03 m³ sẽ được vận chuyển về bãi thải tại khu đất cạnh nghĩa địa xã Bình Nghi có diện tích khoảng 4.992,8 m². Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường, hạn chế sa bồi, sạt lở và hoàn trả bãi thải khi kết thúc đổ thải theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động: Bố trí khu vực tập kết xe rác đầy tay tại khu vực cây xanh dự án. Người dân thu gom và lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt trong các thiết bị chứa chuyên dụng và chuyên giao cho đơn vị thu gom tại địa phương.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Trong giai đoạn thi công, xây dựng, bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công và phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của Công trình để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

- Hoàn trả các mương bị chiếm dụng đảm bảo thoát nước và tưới tiêu cho khu vực. Đồng thời, để đảm bảo thoát nước cho khu dân cư phía Tây, bố trí tuyến mương đập đan đục lỗ $B = 0,4m$ với chiều dài $L = 32m$ để thu gom nước mưa.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ: Lập phương án phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng các nội quy về an toàn lao động khi lập tiến độ thi công; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Chủ đầu tư

5.1. Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: Khu vực tiếp giáp khu dân cư hiện trạng phía Nam của dự án (tọa độ: 1.535.709; 579.045); Khu vực tiếp giáp khu dân cư hiện trạng phía Tây dự án (tọa độ: 1.535.980; 579.066).

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi, CO, NO₂, SO₂.
- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định./.